

Số: 100/2019/QĐST-DS

TP. Vinh Long, ngày 04 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Dương Thị Phụng.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ thụ lý số: 13/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1980 (có mặt). Địa chỉ: Số 78/10B đường Đ, phường B, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Đặng Thành S, sinh năm 1983 (có mặt). Địa chỉ: Số 71/22A đường Đ, phường B, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của ông S:* Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1983 (có mặt). Địa chỉ: Số Q2 đường T, phường N, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Minh P, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 69/14E khóm H, phường B, thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của ông P và bà H:* Ông Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990 (có mặt). Địa chỉ: Số 33/6 đường T, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận sự thỏa thuận của bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Đặng Thành S: Bà H và ông S thỏa thuận đồng ý chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất giữa bà H với ông S được Văn phòng công chứng Trần Thị Minh công chứng số 2191 ngày 15/8/2018.

Ông Đặng Thành S có nghĩa vụ phải trả tiền thuê tài sản cho bà H từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2019 là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Công nhận sự thỏa thuận của bà H và ông S về việc thỏa thuận số tiền đặt cọc hợp đồng là 10.000.000 đồng, bà H không phải hoàn lại trả cho ông S và thỏa thuận số tiền này dùng làm chi phí để khắc phục, sửa chữa những tài sản cho thuê của bà H.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Đặng Thành S và ông Nguyễn Quyết Q là người đại diện ông P và bà H: Vô hiệu văn bản thỏa thuận ngày 17/01/2019 giữa ông S với ông P và bà H về việc thỏa thuận nhận chuyển nhượng chung quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất theo hợp đồng thuê ngày 15/8/2018 giữa bà H và ông S.

Ông S có nghĩa vụ phải hoàn trả cho ông P và bà H số tiền 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

Công nhận sự thỏa thuận của ông Q và ông S: Ông S giao cho ông P, bà H được sở hữu và quản lý các tài sản mà ông S đã chuyển giao cho ông P, bà H theo thỏa thuận mua bán ngày 17/02/2019 gồm: 01 Tivi 65 inch hiệu TCL; 01 bộ màn chiếu, máy chiếu 120 inch; 01 máy che di động; 01 tủ lạnh 120L; 16 giá võng + 16 võng dù; 50 bàn loại gỗ + sắt; 13 cái bàn loại sắt + đá hoa cương; 10 bộ bàn ghế nữ hoàng; 03 bàn nhựa nhỏ; 01 bàn inox; 01 kệ inox; 10 quạt treo tường hiệu Senco; 01 quạt đứng hiệu Senco; 01 ghế xoay; 01 hệ thống phun sương; 04 tranh treo tường; 01 bộ amly và 04 loa hiệu Nanomax; 01 tủ quần áo; 01 quạt máy hiệu Daikio; 01 ấm nước điện; 01 bình thủy; 01 cân đồng hồ loại 5kg; 01 máy say sinh tố; 01 hệ thống đèn led trang trí; 01 kệ nhựa 3 tầng để ly; 01 nồi cơm điện và các vật dụng dùng kinh doanh quán cà phê (ông Q đồng ý không yêu cầu ghi nhận số lượng cụ thể và nhận theo thực tế) gồm: bình trà, miếng lót ly, muống, bộ phin pha cà phê, ly thủy tinh các loại; chậu bông giả trang trí; bộ dụng cụ pha chế; các chậu hoa cảnh các loại dùng làm trang trí; dù che; xô nhựa, thùng rác, chén, tô đĩa, thao, rổ, ca nhựa, bếp ga, bình nước nóng.

Ghi nhận sự tự nguyện rút yêu cầu của ông P do ông Q đại diện và đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông P về việc yêu cầu ông S bồi thường các khoản tiền đầu tư kinh doanh vào quán cà phê là 20.000.000 đồng; tiền mất thu nhập do không thực hiện được việc kinh doanh là 54 tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng, tiền thuê mặt bằng là 10.000.000 đồng do ông P rút yêu cầu.

Công nhận sự thỏa thuận của bà H và ông S, ông Q về việc ông S, ông P, bà H có nghĩa vụ phải di dời tài sản của ông S, ông P, bà H trả lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 78/10B đường Đ, phường B, thành phố Vĩnh Long cho bà H vào thời hạn ngày 30/9/2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về chi phí tố tụng: Công nhận sự thỏa thuận của bà H và ông S, ông Q: Bà H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng. Bà H đã nộp xong.

- Về án phí: Bà H không phải tiền án phí sơ thẩm. Bà H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 550.000 đồng ngày 02/01/2019 theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0004248 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ông P không phải chịu tiền án phí. Ông P được hoàn trả tiền tạm ứng án phí ngày 02/4/2019 là 12.300.000 đồng theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0004452 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ông S phải chịu 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Thị Mỹ Dung**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAT;
- THA TPVL;
- Lưu hồ sơ vụ án.